



TỔNG HỢP TỪ VỰNG UNIT 9, 10, 11 TIẾNG ANH 7

I. Từ vựng Unit 9

1. recent /'ri:snt/ (adj) gần đây, mới đây
2. welcome /'welk m/ (v) chúc mừng, chào đón
3. welcome back (v) chào mừng bạn trở về
4. think of /θɪŋk əv/ (v) nghĩ về
5. friendly /'frendli/ (adj) thân thiện, hiếu khách
6. delicious /di'liʃəs/ (adj) ngon
7. quite /kwait/ (adv) hoàn toàn
8. aquarium /ə'kweəriəm/ (n) bể/ hồ nuôi cá
9. gift /gift/ (n) quà
10. shark /ʃɑ:k/ (n) cá mập
11. dolphin /'dɒlfin/ (n) cá heo
12. turtle /'tɜ:tl/ (n) rùa biển
13. exit /'eksit/ (n) lối ra
14. cap /kap/ (n) mũ lưỡi trai
15. poster /'poustə/ (n) áp phích
16. crab /krab/ (n) con cua
17. seafood /'si:fud/ (n) hải sản, đồ biển
18. diary /'daɪəri/ (n) nhật kí
19. rent /rent/ (v) thuê
20. move(to) /mu:v/ (v) di chuyển
21. keep in touch (v) liên lạc



22. improve /im'pru:v/ (v) cải tiến, trau dồi

II. Từ vựng Unit 10

1. be in a lot of pain /bi: ɪn ə lɒt əv peɪn/ đau đớn nhiều

2. be scared of /bi: skeəd əv/ sợ

3. broken /'brʊkən/ adj hư, bể, vỡ

4. cavity /'kævəti/ n lỗ răng sâu

5. check /tʃek/ v kiểm tra

6. dentist /'dentɪst/ n nha sĩ

7. difficult /'dɪfɪkəlt/ adj khó khăn

8. explain /ɪk'spleɪn/ v giải thích

9. fill /fɪl/ v trám, lấp lỗ hổng

10. have an appointment with /hæv ən ə'pɔɪntmənt wɪð/ có cuộc hẹn với

11. healthy /'helθi/ adj lành mạnh, bổ dưỡng

12. hurt /hɜ:t/ v làm đau

13. keep sb away /ki:p 'sʌmbədi ə'wei/v ngăn ai đến gần

14. kind /kaɪnd/ adj tử tế, tốt bụng

15. loud /laʊd/ adj to (âm thanh)

16. notice /'nəʊtɪs/ v chú ý

17. pain /peɪn/ n sự đau đớn

18. patient /'peɪʃnt/ n bệnh nhân

19. serious /'sɪəriəs/ adj nghiêm trọng

20. smile /smaɪl/ v cười

21. sound /saʊnd/ n âm thanh

22. strange /streɪndʒ/ adj lạ lẫm



23. toothache /'tu:θeɪk/ n đau răng
24. touch /tʌtʃ/ v sờ, đụng, chạm
25. unhealthy /ʌn'helθi/ adj không lành mạnh, không bổ dưỡng
26. personal /'pɜ:. sən. əl/ adj cá nhân
27. hygiene /'haɪ. dʒi:n/ n phép vệ sinh
28. harvest /'hɑ:. vɪst/ n, v mùa gặt/thu hoạch
29. all the time /ɔ:l ðə taɪm/ adv luôn luôn
30. shower /ʃaʊə/ n, v vòi tắm hoa sen/tắm bằng vòi hoa sen
31. take care of /teɪk keə əv/ n săn sóc, trông nom
32. washing /wɒʃɪŋ/ n việc giặt quần áo
33. do the washing /du: ðə wɒʃɪŋ/ v giặt quần áo
34. iron /aɪən/ v ủi (quần áo)
35. ironing /'aɪə. nɪŋ/ n việc ủi quần áo
36. own /əʊn/ adj riêng, cá nhân
37. be bad for (+ noun) /bi bæd fɔ:'/ v có hại cho...
38. advice /əd'vaɪs/ n lời khuyên
39. advise /əd'vaɪz/ v khuyên
40. follow one's advice /'fɒl. əʊ wʌns əd'vaɪs/v theo lời khuyên của ai
41. change /tʃeɪndʒ/ v thay đổi
42. probably /'prɒb. ə. bli/ adv có lẽ
43. brush /brʌʃ/ v, n chải (bằng bàn chải)/bàn chải
44. comb /kəʊm/ v, n chải (tóc)/cái lược
45. take exercise /teɪk 'ek. sə. saɪz/ v tập thể dục
46. reply /rɪ'plaɪ/ n, v câu trả lời/trả lời



- 47. suitable /'sju:. tə. bɪ/ adj thích hợp
- 48. appointment /ə'pɔɪnt. mənt/ n cuộc hẹn
- 49. drill /drɪl/ v, n khoan/cái khoan
- 50. afterwards /'ɑ:f. tə. wədz/ adv sau đó
- 51. fix /fɪks/ v lắp
- 52. surgery /'sɜ:. dʒər. i/ n phòng khám bệnh, giải phẫu
- 53. nervous /'nɜ:. vəs/ adj lo lắng, ái ngại
- 54. painful /'peɪn. fəl/ adj đau đớn
- 55. sensible /'sent. sɪ. bɪ/ adj khôn ngoan
- 56. neglect /nɪ'glekt/ v lơ là

III. Từ vựng Unit 11

- 1. check-up /'tʃek,ʌp/ n khám tổng thể
- 2. medical check-up 'medɪkə tʃek,ʌp/ n khám sức khỏe tổng thể
- 3. record /'rekɔ:d/ n hồ sơ
- 4. medical record 'medɪkə rekɔ:d/ n hồ sơ bệnh lí
- 5. follow /'fəlou/ v đi theo
- 6. temperature /'temprətʃə/ n sốt, nhiệt độ
- 7. run/have a temperature v bị sốt
- 8. take one's temperature v đo nhiệt độ
- 9. normal /'nɔ:məl/ adj bình thường
- 10. height /haɪt/ n chiều cao, đỉnh cao
- 11. measure /'meɪʒə/ v đo
- 12. centimetre/centimeter/'senti, mi:tə/ n 1 phân
- 13. weigh /wei/ v cân, cân nặng



14. scale /skeil/ n tỉ lệ, cân
 15. get on /get ɔn/ v lên, bước lên
 16. form /fɔ:m/ n mẫu đơn
 17. medical form /'medikəfɔ:m/ n đơn/ giấy khám sức khỏe
 18. cover /'kʌvə/ v điền
 19. missing information /'misiŋ infə'meinʃn/ n thông tin thiếu
 20. record card /'rekɔ:d kɑ:d/ n phiếu hồ sơ
- Put record card in this box.
21. forename /'fɔ:,neim/ n tên riêng, tên gọi
 22. male /meil/ adj nam, giống đực
 23. female /'fi:meil/ adj nữ, giống cái



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.